

## THE RELATIONSHIP BETWEEN CLINICAL LEARNING ENVIRONMENT AND PROFESSIONAL IDENTITY OF HEALTH SCIENCE STUDENTS IN MEDICAL AND PHARMACEUTICAL VOCATIONAL EDUCATION: A CROSS-SECTIONAL STUDY AT KHANH HOA MEDICAL COLLEGE

Nguyen Hoang My Thuyen\*<sup>1</sup>, Du Thi Ngoc My<sup>2</sup>,  
Cu Thi Thanh Tuyen<sup>3</sup>

\* Corresponding author  
Email: thuyen268@yahoo.com

<sup>2</sup> Email: ngocmy1211@gmail.com

<sup>3</sup> Email: ctttuyencyk@gmail.com

<sup>1,2,3</sup> Khanh Hoa Medical College,  
Hon Nghe hamlet, Vinh Ngoc ward,  
Khanh Hoa province, Vietnam

Received: 26/11/2025

Revised: 29/4/2026

Accepted: 10/5/2026

Published: 20/6/2026

**Abstract:** The clinical learning environment plays a pivotal role yet poses numerous challenges in current medical and pharmaceutical vocational training. Empirical evidence regarding its impact on the professional identity of health science students at the college level remains limited. This descriptive cross-sectional study aims to assess the perception of the clinical environment and professional identity among eligible students at a provincial medical college, identify the relationship between these two variables, and propose corrective solutions. Survey results using a Likert scale indicate that students perceive the clinical learning environment as having a relatively positive influence ( $2.85 \pm .48$ ) and a positive professional identity ( $3.53 \pm .69$ ). Linear regression analysis confirms that the clinical environment significantly impacts students' professional identity ( $p < .001$ ).

**Keywords:** *Clinical learning environment, professional identity, vocational education, health science.*

## MỐI LIÊN QUAN GIỮA NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP LÂM SÀNG VÀ NHẬN DIỆN NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH SỨC KHỎE THUỘC TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ Y DƯỢC: NGHIÊN CỨU CẮT NGANG TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ KHÁNH HÒA

Nguyễn Hoàng Mỹ Thuyên\*<sup>1</sup>, Du Thị Ngọc Mỹ<sup>2</sup>,  
Cù Thị Thanh Tuyền<sup>3</sup>

\* Tác giả liên hệ  
Email: thuyen268@yahoo.com

<sup>2</sup> Email: ngocmy1211@gmail.com

<sup>3</sup> Email: ctttuyencyk@gmail.com

<sup>1,2,3</sup> Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa,  
Thôn Hòn Nghê, xã Vinh Ngọc,  
tỉnh Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam

Nhận bài: 26/11/2025

Chỉnh sửa xong: 29/4/2026

Chấp nhận đăng: 10/5/2026

Xuất bản: 20/6/2026

**Tóm tắt:** Môi trường học tập lâm sàng đóng vai trò then chốt nhưng đặt ra nhiều thách thức trong đào tạo nghề y dược hiện nay. Các bằng chứng thực nghiệm về tác động của nó đối với nhận diện nghề nghiệp ở sinh viên các ngành khoa học sức khỏe khối Cao đẳng còn hạn chế. Mục đích của nghiên cứu cắt ngang mô tả này nhằm đánh giá mức độ nhận thức môi trường học lâm sàng và nhận diện nghề nghiệp của sinh viên thuộc một trường cao đẳng đào tạo nghề y dược đáp ứng tiêu chí nghiên cứu đồng thời xác định mối liên quan giữa hai biến số, đề xuất giải pháp khắc phục. Kết quả khảo sát qua thang đo Likert ghi nhận sinh viên đánh giá môi trường học tập lâm sàng có mức ảnh hưởng khá tốt ( $2.85 \pm .48$ ), có nhận diện nghề nghiệp tích cực ( $3.53 \pm .69$ ). Phân tích hồi quy tuyến tính khẳng định môi trường học lâm sàng có tác động đáng kể đến nhận diện nghề nghiệp với sinh viên ( $p < .001$ ).

**Từ khóa:** *Môi trường học tập lâm sàng, nhận diện nghề nghiệp, đào tạo nghề, khoa học sức khỏe.*

## 1. Đặt vấn đề

Môi trường học tập lâm sàng đối với sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe có tác động rất quan trọng đến quá trình lĩnh hội kiến thức chuyên môn, rèn luyện tay nghề mà còn phản ánh tác phong, thái độ, ứng xử giao tiếp của họ đối với người bệnh, nhân viên y tế tại viện. Tại môi trường học tập lâm sàng, sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hoạt động khác nhau với vai trò là thành viên trợ lý của nhóm Chăm sóc sức khỏe (Liljedahl, 2018), ngoài tiếp xúc với giảng viên, người hướng dẫn thực hành lâm sàng, họ còn tiếp xúc với các nhân viên y tế khác, người bệnh hay người nhà người bệnh. Vì vậy, sinh viên cho rằng, môi trường lâm sàng đặt ra nhiều thách thức cho họ (Liljedahl, 2018; Nordquist và cộng sự, 2019).

Thông qua quá trình học lâm sàng, sinh viên nhận diện bản thân họ với nghề nghiệp tương lai một cách thực tế, rõ ràng nhất (Arreciado Marañón & Isla Pera, 2015). Tuy nhiên, mức độ nhận diện này phụ thuộc lớn vào cách cá nhân nhìn nhận môi trường trải nghiệm (Ramsbotham và cộng sự, 2019), nơi mà các yếu tố môi trường trực tiếp tác động đến sự hình thành bản sắc ngành nghề (Gao và cộng sự, 2022; Wu và cộng sự, 2020). Đặc biệt, các mối quan hệ tương tác xung quanh như với nhân viên y tế, giảng viên và người bệnh có thể củng cố hoặc thách thức sự nhận diện nghề nghiệp của mỗi cá nhân (Academy of Medical Royal Colleges, 2020). Trong khi một môi trường thực tập lâm sàng hỗ trợ tốt sẽ thúc đẩy động lực tập học của sinh viên thì ngược lại, môi trường lâm sàng nhiều áp lực và thiếu kết nối sẽ khiến sinh viên lạc lõng, lâu dần dẫn đến nguy cơ mất nhiệt huyết học hành và ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định gắn bó lâu dài với nghề nghiệp đã chọn.

Để trợ giúp sinh viên khối ngành Sức khỏe có một môi trường học tập lâm sàng thuận lợi, hiệu quả, nâng cao kết quả học tập cũng như có niềm tin vào ngành nghề đang chọn, có một định hướng tốt nghề nghiệp, việc quan tâm trước tiên là hiểu được quan điểm của họ về môi trường lâm sàng nơi họ trải nghiệm thực hành, về tác động của nó lên việc học tập và mức độ nhận diện bản thân họ với ngành nghề đó.

Đến nay, nghiên cứu kết hợp đánh giá môi trường học tập lâm sàng với mức độ nhận diện nghề nghiệp của sinh viên các ngành khoa học sức khỏe, cũng như khảo sát mối tương quan giữa hai biến số này còn hạn chế tại các trường giáo dục nghề nghiệp y tế trong cả nước. Mặc dù các nghiên cứu về chủ đề học tập của sinh viên khối ngành sức khỏe rất phong phú tuy nhiên các bài báo đã công bố chiếm ưu thế khảo

sát về mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng với môi trường học lâm sàng, các yếu tố liên quan, các thách thức trong môi trường học lâm sàng (Đỗ Thị Vui và cộng sự, 2022; Giang Nhân Trung Nghĩa và cộng sự, 2021; Trần Thị Huyền, 2020; Ramsbotham và cộng sự, 2019), nghiên cứu khảo sát cả môi trường học tập tại trường và lâm sàng của sinh viên chuyên ngành học điều dưỡng (Trương Thị Huệ, 2018).

Sinh viên các ngành Khoa học sức khỏe khác cũng có những trải nghiệm nhận thức tác động khác nhau từ môi trường học lâm sàng (Nordquist và cộng sự, 2019). Những tác động này có thể ảnh hưởng đến mức độ nhận diện nghề nghiệp của họ để tiếp tục theo đuổi ngành nghề đã chọn (Gao và cộng sự, 2022).

Với những lí do trên, tác giả thực hiện nghiên cứu nhằm mục đích: (1) Đánh giá mức độ nhận diện nghề nghiệp và nhận thức môi trường lâm sàng của sinh viên các ngành khoa học sức khỏe tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa; (2) Mối liên quan giữa hai biến số. Các phát hiện từ nghiên cứu này cung cấp thông tin nền tảng về thực trạng môi trường học lâm sàng và mức độ nhận diện nghề nghiệp ở nhiều đối tượng, nhiều ngành nghề, giúp xác định những tác động có thể gây ra từ trong môi trường lâm sàng thông qua nhận thức của chính các đối tượng trải nghiệm môi trường học tập đó. Kết quả nghiên cứu bổ sung khía cạnh phản ánh nhận thức môi trường học lâm sàng của tất cả sinh viên ngành Khoa học sức khỏe trong nhà trường mà các nghiên cứu trước chưa thực hiện. Trên cơ sở này, đề xuất biện pháp hỗ trợ sinh viên tiếp cận với một môi trường học lâm sàng thân thiện, hiệu quả, mọi thành viên đều được khuyến khích, hỗ trợ hướng đến cải thiện và nâng cao chất lượng dạy học lâm sàng tại các trường giáo dục nghề nghiệp y tế.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang mô tả. Mỗi đối tượng nghiên cứu chỉ được thu thập thông tin một lần và không theo dõi theo thời gian.

### 2.2. Đối tượng nghiên cứu và cỡ mẫu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ đối với 233 sinh viên năm thứ 3 thuộc 07 ngành khoa học sức khỏe hệ cao đẳng chính quy (Dược, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm, Kỹ thuật hình ảnh, Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu và Phục hồi răng) tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa năm học 2023-2024. Thu thập số liệu vào tháng 5

và tháng 6 năm 2023 là thời điểm chỉ sinh viên năm 3 đáp ứng tiêu chí đã hoàn thành ít nhất một học phần thực hành lâm sàng chuyên ngành tại nhà trường. Kết quả có 229/233 sinh viên tự nguyện tham gia đã hoàn thành khảo sát, đảm bảo tính đại diện và thực tế về tiến độ đào tạo lâm sàng theo chuyên ngành của nhà trường.

### 2.3. Công cụ đo lường

#### 2.3.1. Phiếu khảo sát đặc điểm nhân khẩu

Phiếu khảo sát thông tin chung của người tham gia nghiên cứu, được thiết kế nhằm nhận biết các thông tin cá nhân và một số nội dung liên quan đến học tập đáp ứng mục đích nghiên cứu, bao gồm: tuổi, giới tính, số lượng học phần thực hành lâm sàng đã thực hiện, thời lượng thực hành lâm sàng/ngày.

#### 2.3.2. Thang đo môi trường học tập lâm sàng

Nghiên cứu sử dụng thang đo Môi trường học tập lâm sàng bản Tiếng Việt gồm 25 câu hỏi chia thành 5 lĩnh vực cốt lõi: 1) Việc học của sinh viên, 2) Sự hài lòng với trải nghiệm lâm sàng, 3) Tương tác giảng dạy – học tập, 4) Sinh viên là trung tâm của quá trình dạy-học, 5) Hỗ trợ sinh viên học lâm sàng. Công cụ này đã được kiểm tra nghiêm ngặt độ tin cậy, độ giá trị bởi các chuyên gia Điều dưỡng Việt Nam (Trương Thị Huệ, 2018) và kiểm định lại trên cỡ mẫu nghiên cứu hiện tại với hệ số Cronbach's alpha là 0.81, đảm bảo tính nhất quán nội tại để khảo sát trên sinh viên các ngành sức khỏe. Các câu hỏi ngược thuộc lĩnh vực “sự hài lòng với trải nghiệm lâm sàng” và “Tương tác giảng dạy – học tập” đã được mã hóa lại thang điểm trước khi xử lý số liệu (nghĩa là 1=4, 2=3, 3=2 và 4=1). Việc sử dụng thang điểm Likert 4 mức độ (1 = hoàn toàn không đồng ý đến 4 = hoàn toàn đồng ý) sẽ hạn chế xu hướng trả lời trung lập và cho phép đánh giá chính xác mức độ thuận lợi của môi trường lâm sàng thông qua giá trị trung bình và độ lệch chuẩn; trong đó điểm số càng cao càng khẳng định chất lượng môi trường học tập lâm sàng.

#### 2.3.3 Thang đo nhận diện nghề nghiệp

Nghiên cứu sử dụng thang đo Nhận diện nghề nghiệp của Adams và cộng sự (2006) gồm 9 câu theo định dạng Likert 5 điểm, tăng dần từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý). Độ tin cậy nội tại và giá trị của công cụ trong nghiên cứu hiện tại đạt mức cao với Cronbach's alpha đạt 0.93 và chỉ số hiệu lực nội dung CVI 1.0 đánh giá bởi hội đồng 05 chuyên gia về nghiên cứu và giáo dục khoa học sức khỏe. Quy trình chuyển ngữ tiếng

Việt được thực hiện nghiêm ngặt theo phương pháp dịch xuôi-ngược của Sousa và Rojjanasrirat (2011), đảm bảo tính tương đương tối đa về mặt ngữ nghĩa. Kết quả phân tích dựa trên điểm trung bình và độ lệch chuẩn, trong đó mức độ nhận diện nghề nghiệp được phân thành 5 bậc từ thấp đến cao theo khung khoảng cách điểm của Youthao (2017). Điểm số tỉ lệ thuận với mức độ nhận diện nghề nghiệp, cụ thể từ 1.41-2.60, mức trung bình từ 2.61-3.40, mức cao từ 3.41- 4.20 và mức cao nhất từ 4.21-5.00.

### 2.4. Biến số nghiên cứu

Môi trường học tập lâm sàng được quy định là sự tương tác lẫn nhau của các yếu tố trong môi trường lâm sàng (yếu tố con người và các mối quan hệ giữa người với người) mà mỗi sinh viên khối ngành sức khỏe đã trải nghiệm. Các yếu tố này gây ảnh hưởng cả tích cực lẫn tiêu cực đến việc cung cấp dạy học lâm sàng có chất lượng, đến khả năng học tập và sự phát triển năng lực chuyên môn sau này của các sinh viên ngành Sức khỏe. Các yếu tố thuộc môi trường học tập lâm sàng trong nghiên cứu bao gồm: 1) *Việc học của sinh viên* là những hoạt động học tập và thực hành của sinh viên với giáo viên hướng dẫn/nhân viên, 2) *Sự hài lòng với trải nghiệm lâm sàng* là cách nhìn nhận, thái độ của sinh viên với các hoạt động dạy-học trong quá trình thực tập tại lâm sàng, 3) *Tương tác giảng dạy – học tập* là mối liên hệ, tương tác giữa sinh viên và giáo viên hướng dẫn lâm sàng/nhân viên y tế thuộc khoa lâm sàng, 4) *Sinh viên là trung tâm của quá trình dạy-học* là sinh viên được phát huy quyền cá nhân của một người học, 5) *Hỗ trợ sinh viên học lâm sàng* là những hoạt động, thái độ của giảng viên/nhân viên y tế đối xử với sinh viên trong quá trình dạy học lâm sàng.

*Nhận diện nghề nghiệp* được xác định là nhận thức, thái độ, kiến thức, hệ giá trị và niềm tin của chính mỗi sinh viên khối ngành sức khỏe trong việc nhận diện bản thân với nghề nghiệp mà họ đang học.

### 2.5. Thu thập số liệu

Dữ liệu được thu thập trong 05 tuần (tháng 5 và tháng 6 năm 2023) bởi nhóm nghiên cứu gồm người nghiên cứu chính và 01 điều tra viên đã qua tập huấn. Quy trình bắt đầu bằng việc phối hợp với bộ phận quản lý đào tạo để lập danh sách sinh viên đủ điều kiện. Nhóm nghiên cứu tiếp cận sinh viên trực tiếp vào ngày cuối của đợt thực tập lâm sàng chuyên ngành theo tiến độ học tập của từng lớp, giới thiệu mục đích nghiên cứu và mời sinh viên tham gia tự nguyện. Sau khi kí cam kết, các sinh viên thực tập theo nhóm tập trung tại phòng học lâm sàng, dành

khoảng 20 phút để hoàn thành phiếu câu hỏi tự điền. Tất cả phiếu khảo sát được kiểm tra tính hoàn thiện ngay khi thu hồi; các trường hợp thiếu thông tin (missing data) được xử lý theo quy định nhằm đảm bảo cỡ mẫu và chất lượng dữ liệu trước khi đưa vào phân tích.

### 2.6. Phân tích số liệu

Dữ liệu của 229 bộ câu hỏi khảo sát được nhập liệu, xử lý và phân tích thông qua phần mềm thống kê khoa học xã hội SPSS phiên bản 26.0. Thống kê mô tả (tần suất-frequency, tỉ lệ - percentage, giá trị trung bình-mean, độ lệch chuẩn-standard deviation) được dùng để mô tả thông tin nhân khẩu học, các mức độ nhận thức môi trường học lâm sàng và các mức độ nhận diện nghề nghiệp. Phân tích hồi quy tuyến tính và tương quan Pearson được dùng để xác định mối liên quan giữa hai biến số.

### 2.7. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu hiện tại đã được phê duyệt bởi Hội đồng khoa học thẩm định đề tài của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (Quyết định số 84/QĐ-CDYT, ngày 09 tháng 3 năm 2023). Tất cả người tham gia vào nghiên cứu đều được thông tin, giải thích đầy đủ cụ thể về các vấn đề nghiên cứu, quyền lợi của họ được bảo vệ xuyên suốt quá trình tham gia và đồng ý kí vào giấy cam kết tham gia trước khi thu thập số liệu.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu

Sinh viên nữ chiếm đa số (79%); độ tuổi trung bình là  $21.8 \pm 1.8$  tuổi, trẻ nhất 20 tuổi và cao nhất 32 tuổi; tỉ lệ sinh viên ngành Dược chiếm ưu thế (52%), thứ đến là ngành Điều dưỡng (28.8%), Phục hình răng (7%), Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng (4.8%), Kỹ thuật hình ảnh (3.5%), Hộ sinh (2.2%) và Xét nghiệm (1.7%).

Số lượng môn học thực hành lâm sàng đã được học cho đến hiện tại tương ứng với từng ngành học đều hơn 03 môn. Tất cả sinh viên đều cho rằng thời lượng thực hành tại lâm sàng/tại nơi thực tập là 08 tiếng/ngày. Tất cả đều đạt yêu cầu trong suốt quá trình học thực hành và thi kết thúc môn học thực hành tại lâm sàng/tại nơi thực tập (xem Bảng 1).

### 3.2. Nhận thức môi trường học tập lâm sàng

Trong 05 lĩnh vực thuộc thang đo nhận thức môi trường lâm sàng, việc học của sinh viên có điểm trung bình cao nhất ( $3.39 \pm .70$ ), phản ánh sinh viên đánh giá tích cực việc học của chính họ tại lâm sàng; tiếp theo là lĩnh vực hỗ trợ sinh viên học lâm sàng ( $3.08 \pm .66$ ), sinh viên là trung tâm của quá trình dạy-học ( $3.02 \pm .61$ ), sự hài lòng với trải nghiệm lâm sàng ( $2.88 \pm .53$ ) và sự tương tác giảng dạy-học tập ( $2.25 \pm .75$ ) (xem Bảng 2).

Xét theo đặc điểm ngành học và sự tương đồng thực hành các môn chuyên ngành tại cơ sở thực

**Bảng 1:** Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu (N = 229)

Đặc điểm	n	%
Giới tính		
Nam	48	21
Nữ	181	79
Tuổi (năm)	$21.8 \pm 1.8$ (min - max = 20 -32)	
Phân bố theo ngành học		
Cao đẳng Dược	119	5.2
Cao đẳng Điều dưỡng	66	28.8
Cao đẳng Phục hình răng	16	7.0
Cao đẳng Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	11	4.8
Cao đẳng Hình ảnh	8	3.5
Cao đẳng Hộ sinh	5	2.2
Cao đẳng Xét nghiệm	4	1.7
Số lượng học phần thực hành tại lâm sàng/tại nơi thực hành chuyên ngành	> 3	
Thời lượng thực hành tại lâm sàng/tại nơi thực hành chuyên ngành (giờ/ngày)	08	
Kết quả kết thúc môn học thực hành lâm sàng		
Đạt	229	100
Không đạt	0	0

**Bảng 2:** Bảng số liệu thống kê mô tả nhận thức môi trường học lâm sàng (N=229)

Các lĩnh vực của môi trường học lâm sàng	Tổng điểm				Trung bình điểm		Mức độ nhận thức*
	Phạm vi điểm theo thang đo	Phạm vi điểm thực tế	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	
1.Việc học của sinh viên (3)	3 - 12	3 - 12	10.18	2.11	3.39	.70	Cao nhất
2.Sự hài lòng với trải nghiệm lâm sàng (7)	7 - 28	7 - 28	20.14	3.68	2.88	.53	
3.Tương tác giảng dạy - học tập (6)	6 - 24	6 - 24	13.49	4.51	2.25	.75	Thấp nhất
4.Sinh viên là trung tâm của quá trình dạy-học (5)	5 - 20	5 - 20	15.09	3.05	3.02	.61	
5. Hỗ trợ sinh viên học lâm sàng (4)	4 - 16	4 - 16	12.31	2.63	3.08	.66	
Toàn thang đo	25 -100	25 -100	71.22	11.94	2.85	.48	

(Ghi chú: \*: Giá trị trung bình thay đổi trong biên độ từ 1.00 - 4.00, điểm trung bình càng cao thể hiện nhận thức/đánh giá của sinh viên đối với môi trường học tập càng tích cực).

hành lâm sàng, mẫu nghiên cứu sinh viên thuộc 07 ngành học được phân thành 03 nhóm: nhóm sinh viên cao đẳng Dược, nhóm sinh viên cao đẳng Điều dưỡng - Hộ sinh và nhóm sinh viên các ngành Kỹ thuật y gồm phục hình răng, chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, vật lý trị liệu phục hồi chức năng. Kết quả nhận thức môi trường học lâm sàng giữa ba nhóm có điểm trung bình khác nhau và thấp (điểm trung bình thang đo/nhóm < 3.00), trong đó nhóm ngành Điều dưỡng và Hộ sinh có điểm trung bình thấp nhất ( $2.71 \pm .35$  vs  $2.89 \pm .50$  và  $2.99 \pm .55$ ).

Điều này phản ánh rằng, nhóm sinh viên ngành Điều dưỡng và Hộ sinh đánh giá môi trường học lâm sàng mà họ trải qua chưa thật sự tốt. Trong cùng một lĩnh vực, nhóm cao đẳng Điều dưỡng và Hộ sinh luôn có mức điểm trung bình thấp nhất so với hai nhóm còn lại. *Tương tác giảng dạy - học tập* có điểm trung bình thấp nhất ở cả ba nhóm, phản ánh rằng sự tương tác giữa người dạy và người học thấp. Ở cả ba nhóm, *việc học của sinh viên* có điểm trung bình cao nhất so với các lĩnh vực khác thuộc môi trường học lâm sàng (xem Bảng 3).

**Bảng 3:** Bảng số liệu thống kê mô tả mức độ nhận thức môi trường học lâm sàng của sinh viên phân theo từng ngành đào tạo

STT	Nội dung	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn		
		Cao đẳng Dược N= 119	Cao đẳng Điều dưỡng và Hộ sinh N = 71	Cao đẳng Phục hình răng, Hình ảnh, Xét nghiệm, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng N = 39
1	Việc học của sinh viên	3.39 ± .77	3.37 ± .58	3.44 ± .69
2	Sự hài lòng với trải nghiệm lâm sàng	2.93 ± .54	2.69 ± .42	3.06 ± .57
3	Tương tác giảng dạy - học tập	2.28 ± .72	2.12 ± .63	2.39 ± .98
4	Sinh viên là trung tâm của quá trình dạy - học	3.07 ± .62	2.86 ± .54	3.16 ± .62
5	Hỗ trợ sinh viên học lâm sàng	3.11 ± .67	2.94 ± .61	3.24 ± .66

STT	Nội dung	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn		
		Cao đẳng Dược N= 119	Cao đẳng Điều dưỡng và Hộ sinh N = 71	Cao đẳng Phục hình răng, Hình ảnh, Xét nghiệm, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng N = 39
	Toàn bộ thang đo	2.89 ± .50	2.71 ± .35	2.99 ± .55

(Ghi chú: 1: Giá trị trung bình thay đổi trong biên độ từ 1.00 – 4.00, điểm trung bình càng cao thể hiện nhận thức/đánh giá của sinh viên đối với môi trường học tập càng tích cực).

### 3.3. Nhận diện nghề nghiệp

Các sinh viên nhận diện nghề nghiệp ở mức độ tích cực với điểm trung bình toàn thang đo là 3.53 ± .69. Câu khảo sát “Tôi thấy thích việc tôi trở thành một thành viên của ngành nghề tôi đang học” được đánh giá cao nhất (4.05 ± .93). Ngược lại, các câu khảo sát “Tôi thường xấu hổ khi thừa nhận rằng tôi đang học ngành nghề này” và “Tôi cố gắng giấu việc tôi đang học ngành nghề hiện tại” có điểm trung bình thấp nhất, lần lượt tương ứng 2.43 ± .91 và 2.55 ± 1.35. Khi xét theo từng nhóm ngành đào tạo, nhóm sinh viên ngành Điều dưỡng - Hộ sinh nhận diện nghề nghiệp ở mức độ trung bình. Ngược lại, nhóm ngành cao đẳng

Dược và nhóm ngành Kỹ thuật y có mức nhận diện nghề nghiệp tích cực hơn (xem Bảng 4).

### 3.4. Mối liên quan giữa môi trường học tập lâm sàng và mức độ nhận diện nghề nghiệp

Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy 02 biến số có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê ( $r = .600^{**}$ ,  $p < .001$ ). Sinh viên học ở môi trường lâm sàng/môi trường nơi thực hành nghề được tạo điều kiện thuận lợi có mức độ nhận diện nghề nghiệp càng tích cực.

Dữ liệu các biến số đáp ứng kiểm định các điều kiện phân tích hồi quy tuyến tính, kết quả cho thấy

**Bảng 4:** Bảng số liệu thống kê mô tả mức độ nhận thức của sinh viên về Nhận diện nghề nghiệp

STT	Các nội dung về nhận diện nghề nghiệp	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn			
		Toàn mẫu nghiên cứu N = 229	Cao đẳng Dược N= 119	Cao đẳng Điều dưỡng và Hộ sinh N = 71	Cao đẳng Phục hình răng, Hình ảnh, Xét nghiệm, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng N = 39
1	Tôi thấy thích việc tôi trở thành một thành viên của ngành nghề tôi đang học.	4.05 ± .93	4.13 ± .72	4.01 ± .99	3.90 ± 1.33
2	Tôi cảm thấy có sự gắn kết chặt chẽ với các thành viên khác của ngành nghề này.	3.83 ± 1.01	4.05 ± .77	3.37 ± 1.16	4.03 ± 1.11
3	Tôi thường xấu hổ khi thừa nhận rằng tôi đang học ngành nghề này.	2.43 ± .91	2.71 ± 1.29	2.03 ± 1.20	2.31 ± 1.38
4	Tôi thấy mình đang tự bào chữa cho việc chọn học ngành nghề này.	3.14 ± 1.36	3.45 ± 1.17	2.82 ± 1.47	2.79 ± 1.52
5	Tôi cố gắng giấu việc tôi đang học ngành nghề hiện tại.	2.55 ± 1.35	2.90 ± 1.19	2.18 ± 1.44	2.18 ± 1.43
6	Tôi rất vui khi học và theo đuổi ngành nghề này.	4.03 ± .82	4.01 ± .74	4.00 ± .89	4.18 ± .88
7	Tôi có thể nhìn nhận tích cực với những thành viên khác học và làm nghề này.	3.87 ± .99	3.95 ± .89	3.76 ± .99	3.85 ± 1.25

STT	Các nội dung về nhận diện nghề nghiệp	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn			
		Toàn mẫu nghiên cứu N = 229	Cao đẳng Dược N= 119	Cao đẳng Điều dưỡng và Hộ sinh N = 71	Cao đẳng Phục hình răng, Hình ảnh, Xét nghiệm, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng N =39
8	Trở thành một thành viên của ngành nghề này với tôi rất quan trọng.	4.00 ± .92	4.03±.79	3.92 ± 1.05	4.10 ± .99
9	Tôi cảm thấy rằng, tôi chia sẻ ước những điều của nghề với những thành viên khác.	3.89 ± .94	3.86 ± .78	3.75 ± 1.08	4.26 ± 1.04
Toàn bộ thang đo		3.53 ± .69	3.67 ± .64	3.31 ± .69	3.51 ± .73
Mức nhận diện nghề nghiệp		Tích cực	Tích cực	Trung bình	Tích cực

(Ghi chú: 1: “1.00 – 1.40” nhận diện nghề nghiệp ở mức kém tích cực; “1.41-2.60” ở mức vừa phải; “2.61-3.40” ở mức trung bình; “3.41- 4.20” ở mức tích cực và “4.21-5.00” ở mức rất tích cực (Theo phân độ đánh giá kết quả với thang đo Likert có 5 mức độ đánh giá của Youthao, S. (2017). Medical statistics. Bangkok: Chulapress)).

hai hệ số của phương trình hồi quy tuyến tính đơn (hằng số cắt = 1.499 và B = .715) đều có ý nghĩa thống kê ( $p = .000 < .001$ ):  $Nhận\ diện\ nghề\ nghiệp = 1.499 + 0.715 * Nhận\ thức\ môi\ trường\ học\ tập\ lâm\ sàng$ . Kết quả khẳng định mối liên quan chặt chẽ có ý nghĩa thống kê giữa môi trường học tập lâm sàng và nhận diện nghề nghiệp. Mỗi sự gia tăng một điểm nhận thức môi trường học lâm sàng, mức tăng điểm nhận diện nghề nghiệp là .715 (xem Bảng 5). Nó phù hợp với kết quả mô tả của mỗi biến số, cụ thể, khi sinh viên đánh giá môi trường lâm sàng ở mức độ tốt ( $2.89 \pm .50$ ), mức độ nhận diện nghề nghiệp cũng ghi nhận sự chuyển biến tích cực ( $3.53 \pm .69$ ). Nghiên cứu không chỉ mô tả mối quan hệ mà còn lượng hóa cụ thể mức độ tác động thông qua mô hình hồi quy đối với sinh viên các ngành sức khỏe của trường đào tạo nghề y dược mà các nghiên cứu trước đó còn bỏ ngỏ.

**Bảng 5:** Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đơn biến

Coefficients <sup>a</sup>										
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95,0% Confidence Interval for B		Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound	Tolerance	VIF
1	(Constant)	1,499	,239		6,263	,000	1,027	1,970		
	Mean Môi trường học tập lâm sàng	,715	,083	,497	8,625	,000	,551	,878	1,000	1,000

(a. Dependent Variable: Mean nhận diện nghề nghiệp).

và cộng sự (2020), sinh viên điều dưỡng trải nghiệm lâm sàng đủ lâu, nhận thức môi trường lâm sàng tích cực có nhận diện nghề tốt hơn. Thật vậy, sinh viên Y khoa khi đã thích ứng với việc học tập tại nơi thực hành, gắn họ ý thức hơn với trách nhiệm chăm sóc người bệnh và nhu cầu thương lượng các giá trị cơ bản với những người khác đã gặp tại nơi thực hành (Liljedahl, 2018) để họ cảm nhận nghề nghiệp thiết thực hơn. Nhờ đó, những quyết định lựa chọn nghề được củng cố, nếu tiếp tục làm việc chính thức trong môi trường này sau khi tốt nghiệp họ càng phát huy sự quen việc, thành thạo và tự tin.

Ở nghiên cứu hiện tại, môi trường học lâm sàng được nhận định khác nhau giữa sinh viên các ngành khoa học sức khỏe, trong đó nhóm ngành Điều dưỡng và Hộ sinh có điểm đánh giá thấp nhất so với nhóm cao đẳng Dược và nhóm các ngành Kỹ thuật y. Sự khác nhau xuất phát từ đặc điểm ngành nghề, môi trường thực hành nghề của từng đối tượng. Ngành Điều dưỡng và Hộ sinh thực hành chuyên môn chính tại đơn vị lâm sàng là bệnh viện, nơi công tác chăm sóc người bệnh bận rộn, ca trực, khối lượng công việc hàng ngày rất lớn, thường xuyên tiếp xúc người bệnh và các nhân viên y tế liên quan. Ngành Dược và các ngành Kỹ thuật Y thực hành chuyên môn phần lớn tại phòng lab chuyên khoa, tại các hiệu thuốc mặc dù khối lượng công việc nhiều, bận rộn nhưng những áp lực công việc hoàn toàn không tương đồng với Điều dưỡng và Hộ sinh.

Bên cạnh đó, mỗi cá nhân có quan điểm riêng, cho dù họ thuộc về một ngữ cảnh hay một môi trường. Sinh viên cùng ngành nhưng khác năm học cũng đã có mức độ nhận thức tác động từ môi trường lâm sàng khác nhau (Ramsbotham và cộng sự, 2019). Mặc dù, số lượng sinh viên nữ chiếm ưu thế so với nam ở tất cả các ngành đào tạo của trường, điều này dẫn đến sự đánh giá môi trường học tại lâm sàng hay đơn vị thực tập khác nhau theo giới tính nhưng sau phân tích số liệu phân theo giới không thấy sự khác biệt. Kết quả này phù hợp với kết luận nghiên cứu của Ramsbotham và cộng sự (2019) là sinh viên nam, nữ có mức độ nhận thức tương tự nhau về tác động từ môi trường học lâm sàng.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cho rằng, giảng viên lâm sàng/người phụ trách có áp dụng những phương pháp giảng dạy phù hợp với sinh viên. Giảng viên luôn kỳ vọng mọi sinh viên cùng tiến bộ, cố gắng khắc phục hạn chế đến từ mức độ tiếp thu khác nhau thông qua việc sinh viên có cơ hội bày tỏ ý kiến/ quan điểm của mình. Các phát hiện này cũng

phù hợp với báo cáo nghiên cứu của Đỗ Thị Vui và Trần Minh Hậu (2022), Trần Thị Huyền (2020) rằng, yếu tố giảng viên được sinh viên đánh giá là động lực thúc đẩy quá trình học lâm sàng của họ.

Mặc dù môi trường lâm sàng được đánh giá tích cực, sinh viên vẫn phản hồi về việc thiếu cơ hội thảo luận hay thương lượng khối lượng công việc phân công cho họ. Thực trạng này phản ánh mô hình phân công công việc một chiều từ nhân viên y tế tại cơ sở thực hành. Nguyên nhân cốt lõi xuất phát từ yêu cầu khẩn khe về an toàn người bệnh và tính hiệu quả trong điều trị, chăm sóc, khiến việc phân công thường dựa trên kế hoạch định sẵn một cách chuyên môn hóa cho nhân viên khoa/phòng lâm sàng thay vì nhu cầu cá nhân của người học. Trong báo cáo của Giang Nhân Trung Nghĩa và các đồng nghiệp (2019) nêu vấn đề này khi chỉ ra rằng môi trường học lâm sàng có khuynh hướng tích cực nhưng chỉ đạt mức tốt; nhân viên bệnh viện chưa thực sự tích cực tham gia hướng dẫn sinh viên; sinh viên chỉ làm những nhiệm vụ mang tính rập khuôn trong các buổi thực tập, ca trực, giáo viên và nhân viên chưa làm việc cùng nhau để hỗ trợ việc học của sinh viên.

Việc nhận biết tính hai mặt đối lập của sự tương tác giảng dạy - học tập giữa sinh viên với người phụ trách hướng dẫn lâm sàng, đó là sự tương tác đưa đến sự thúc đẩy sinh viên học và ngược lại có thể cản trở việc học (Ramsbotham và cộng sự, 2019), giảng viên phụ trách lâm sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hành tại lâm sàng/nơi thực hành tốt hơn, trao đổi với nhân viên khoa lâm sàng/nơi thực tập tạo cơ hội đối thoại giữa sinh viên, nhân viên khoa và giảng viên phụ trách, tăng sự tương tác với các nhân viên y tế tại nơi thực tập hơn nữa nhằm cải thiện môi trường học lâm sàng, tạo hứng thú sinh viên ngành Y với nghề nghiệp để mục đích cuối cùng cải thiện chăm sóc người bệnh. Đây là điều quan trọng giúp họ theo đuổi nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm chăm sóc người bệnh, hiểu vai trò và nhu cầu của trao đổi các giá trị căn bản với người khác liên quan đến công việc của sinh viên.

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chứng minh môi trường học tập lâm sàng có tác động đến nhận diện nghề nghiệp của sinh viên các ngành khoa học sức khỏe tại trường đào tạo nghề y dược mà các nghiên cứu trước chưa thực hiện. Sinh viên nhận thức được môi trường học lâm sàng/môi trường nơi thực hành nghề thuận lợi thúc đẩy mức độ nhận diện nghề càng tích cực. Đây là thông tin quan trọng để các đơn vị đào tạo nghề

Y Dược trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp cần ưu tiên hỗ trợ sinh viên được thực hành trong một môi trường lâm sàng chuyên nghiệp, tôn trọng quyền học tập và sự phản hồi của sinh viên về khối lượng công việc tại lâm sàng. Bên cạnh đó, việc đổi mới phương pháp dạy học lâm sàng, hướng dẫn kỹ năng ra quyết định lâm sàng và giải quyết vấn đề cho sinh viên y dược, nhất là sinh viên điều dưỡng, hộ sinh là cần thiết. Tăng cường kết nối, tương tác giữa người học – người dạy xuyên suốt quá trình học tập tại đơn vị lâm sàng nhằm hỗ trợ sinh viên hình thành tư duy nghề nghiệp vững chắc.

Nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào việc thiết kế và đánh giá hiệu quả của các mô hình giảng

dạy lâm sàng mới có sự tham gia chủ động của người học. Đồng thời, các nghiên cứu định tính chuyên sâu cần được thực hiện để khám phá các rào cản trong mối quan hệ giữa người học và người dạy nhằm tối ưu hóa quyền lợi và trách nhiệm của sinh viên ngành Khoa học sức khỏe trong môi trường học tập lâm sàng.

**Lời cảm ơn:** Cảm ơn Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, nhà giáo chủ nhiệm, sinh viên các ngành sức khỏe năm cuối cấp thuộc nhà trường đã hỗ trợ nhóm nghiên cứu được thực hiện thu thập số liệu thuận lợi góp phần hoàn thiện nghiên cứu này.

### Tài liệu tham khảo

- Academy of Medical Royal Colleges. (2020). *Developing professional identity in multi-professional teams*. Truy vấn ngày 25/12/2022 từ [https://www.aomrc.org.uk/wp-content/uploads/2020/05/Developing\\_professional\\_identity\\_in\\_multi-professional\\_teams\\_0520.pdf](https://www.aomrc.org.uk/wp-content/uploads/2020/05/Developing_professional_identity_in_multi-professional_teams_0520.pdf).
- Adams, K., Hean, S., Sturgis, P. & Clark, J. M. (2006). Investigating the factors influencing professional identity of first-year health and social care students. *Learning in Health and Social Care*, 5(2), pp.55–68. doi:10.1111/j.1473-6861.2006.00119.x.
- Arreciado Marañón, A. & Isla Pera, M. P. (2015). Theory and practice in the construction of professional identity in nursing students: a qualitative study. *Nurse Educ Today*, 35(7), pp.859–863. doi:10.1016/j.nedt.2015.03.014.
- Đỗ Thị Vui & Trần Minh Hậu. (2022). Sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng năm cuối Trường Cao đẳng Y – Dược ASEAN năm 2021 và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Điều dưỡng*, tr.34-38.
- Gao, Z., Wei, X., Yang, L., Cui, D., Kong, L., Qi, L. & Zhang, P. (2022). Mediating role of career self-efficacy between clinical learning environment and professional identity in nursing students. *J Adv Nurs*, 78(4), pp.1012–1019. doi:10.1111/jan.15027.
- Giang Nhân Trí Nghĩa, Giang Thị Mỹ Kiều & Vũ Long. (2019). Nhận thức của sinh viên điều dưỡng về môi trường học lâm sàng. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh*, 5(23), tr.114 – 119. <https://tapchihocphcm.vn/upload/2019/23%205%20ddktyh/113.pdf>.
- Liljedahl, M. (2018). On learning in the clinical environment. *Perspect Med Educ*, 7(4), pp.272–275. doi:10.1007/s40037-018-0441-
- Nordquist, J., Hall, J., Caverzagie, K., Snell, L., Chan, M.-K., Thoma, B. & Philibert, I. (2019). The clinical learning environment. *Medical Teacher*, 41(4), pp.366–372. doi:10.1080/0142159X.2019.1566601.
- Sousa, V. D. & Rojjanasrirat, W. (2011). Translation, adaptation and validation of instruments or scale for use in cross-cultural health care research: A clear and user-friendly guideline. *Journal of Evaluation in Clinical Practice*, 17(2), pp.268 – 274. doi: 10.1111/j.1365-2753.2010.01434.x. Epub 2010 Sep 28. PMID: 20874835.
- Ramsbotham, J., Dinh, H., Truong, H., Huong, N., Dang, T., Nguyen, C., Bonner, A. (2019). Evaluating the learning environment of nursing students: A multisite cross-sectional study. *Nurse Education Today*, 79, pp.80–85. doi:https://doi.org/10.1016/j.nedt.2019.05.016.
- Trần Thị Huyền. (2020). Những thách thức mà sinh viên điều dưỡng gặp phải tại môi trường học tập lâm sàng tại Đại học Quốc tế Hồng Bàng năm 2019. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 3(1), tr.12–18. <https://jns.vn/index.php/journal/article/view/210>.
- Trương Thị Huệ. (2018). Khảo sát thực trạng môi trường học tập tại trường và lâm sàng trong đào tạo điều dưỡng cao đẳng hệ tín chỉ khóa 2015–2018 tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa. *Kỷ yếu các công trình nghiên cứu khoa học Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa*, (tr.12–20).
- Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa. (2023). *Quyết định số 84/QĐ-CĐYT, ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc phê duyệt Thuyết minh đề tài Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở năm học 2022–2023 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa*.
- Wu, C., Palmer, M. H. & Sha, K. (2020). Professional identity and its influencing factors of first-year post-associate degree baccalaureate nursing students: A cross-sectional study. *Nurse Education Today*, 84, Article 104227. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2019.104227>.
- Youthao, S. (2017). *Medical statistics*. Bangkok: Chulapr.